TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/DS - PT
Ngày: 01 – 6 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tố Hương.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Tăng Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2021/TLPT - DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2021/QĐ - PT ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trang Thị Ngọc D, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 122, ấp L, xã H, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà D: Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp X, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/8/2020). (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị Thúy M, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 43, ấp X, xã T, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Thúy M là bị đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/8/2020 (BL số 01), Biên bản lấy lời khai đề ngày 19/11/2020 (BL số 47) cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Quốc H trình bày:

Bà Trang Thị Ngọc D là hụi viên có tham gia góp hụi do bà Lê Thị Thúy M làm chủ hụi như sau:

Vào ngày 15/8/2018 (Âm lịch) bà D có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng do bà M làm chủ hụi, dây hụi này có 32 chân, hụi 01 tháng khui 01 lần, bà D tham gia 02 chân và bà D đã đóng hụi sống được 16 lần với số tiền là 32.000.000 đồng thì bà M không thu hụi nữa, do bà M nói bị tay em giật hụi không đóng nữa nên tuyên bố bể hụi.

Vào ngày 25/11/2018 (Âm lịch) bà D có tham gia dây hụi 3.000.000 đồng do bà M làm chủ hụi, dây hụi này có 34 chân, hụi 01 tháng khui 01 lần, bà D tham gia 02 chân và bà D đã đóng hụi sống được 12 lần với số tiền là 38.400.000 đồng thì ngưng hụi lại, bà M không thu tiền hụi nữa do bà M nói bị tay em giật hụi không đóng nữa nên tuyên bố bể hụi.

Vào ngày 20/02/2019 (Âm lịch) bà D có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng do bà M làm chủ hụi, dây hụi này có 24 chân, hụi 01 tháng khui 01 lần, bà D tham gia 02 chân và bà D đã đóng hụi sống được 10 lần với số tiền là 50.000.000 đồng (Lúc trước do ghi nhầm bà D chỉ ghi 30.000.000 đồng), thì bà D ngưng hụi, trong dây hụi này bà D có chầu thêm 01 chân hụi hết 70.700.000 đồng. Như vậy dây hụi này bà M còn nợ bà D 120.700.000 đồng.

Vào ngày 10/8/2019 (Âm lịch) bà D có tham gia dây hụi 2.000.000 đồng do bà M làm chủ hụi, dây hụi này có 29 chân, hụi nữa tháng khui 01 lần, bà D tham gia 02 chân và bà D đã đóng hụi sống được 07 lần với số tiền là 16.800.000 đồng thì bà M ngưng hụi lại không thu tiền hụi nữa, do bà M nói bị tay em giật hụi không đóng nữa nên tuyên bố bể hụi. Trong dây hụi này bà D có chầu thêm 01 chân hụi với số tiền 37.750.000 đồng. Như vậy, dây hụi này bà M còn nợ bà D 54.550.000 đồng.

Vào ngày 15/10/2019 (Âm lịch) bà D có tham gia dây hụi 1.000.000 đồng do bà M làm chủ hụi, dây hụi này có 59 chân, hụi 10 ngày khui 01 lần, bà D tham gia 6 chân và bà D đã đóng hụi sống được 4 lần với số tiền là 13.860.000 đồng thì bà M ngưng hụi lại không thu tiền hụi nữa, do bà M nói bị tay em giật hụi không đóng nữa nên tuyên bố bể hụi.

Tổng cộng là 259.510.000 đồng, tất cả các dây hụi này bà M đều ngưng thu hụi vào ngày 25/11/2019. Nhưng khi chốt nợ hụi thì bà M còn nợ bà D 216.000.000 đồng và có viết biên nhận, do trả được một phần tiền hụi và chốt nợ hụi lại với nhau nên mới còn lại số tiền 216.000.000 đồng. Trước đó thì bà M còn nợ bà D 42.000.000 đồng tiền nợ hụi, cùng thời điểm đó bà L và ông T có nợ tiền của bà M là 42.000.000 đồng, sau đó bà M kêu bà L trả số tiền trên cho bà D nhưng trả được 8.000.000 đồng thì không trả nữa. Do đó bà M còn nợ bà D 34.000.000 đồng và cộng với số tiền chốt

nợ hụi 216.000.000 đồng, tổng cộng bà M còn nợ bà D là 250.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi còn thiếu là 250.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Các tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: 01 giấy tập học sinh có ghi tổng cộng thiếu Dung 216.000.000 đồng có chữ ký và chữ viết Lê Thúy Hằng (BL số 02).

- Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 12/11/2020 (BL số 55); cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lê Thị Thúy M trình bày:

Bà M có làm chủ hụi và bà D có tham gia hụi do bà M làm chủ hụi, do hụi bể nên bà M chưa có khả năng trả lại tiền hụi do bà D đã đóng, khi tổng kết lại bà M còn nợ bà D là 216.000.000 đồng và nợ tiền hụi trước đây 42.000.000 đồng, sau đó bà M có yêu cầu ông T và bà L trả cho bà D số tiền 42.000.000 đồng, nhưng trả được 8.000.000 đồng, còn 34.000.000 đồng thì không trả nữa. Do đó bà M thừa nhận là còn nợ lại bà D số tiền 250.000.000 đồng là đúng theo yêu cầu của bà D đòi lại. Do hoàn cảnh gia đình bà M khó khăn nên cho bà M xin trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 19/01/2021 đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 2 Điều 228, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ vào khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ vào Điều 13, Điều 20, Điều 29, Điều 31 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; căn cứ vào Điều 16, Điều 18, Điều 23, Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị Ngọc D đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy M. Buộc bà Lê Thị Thúy M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trang Thị Ngọc D số tiền nợ hụi 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Trang Thị Ngọc D có đơn yêu cầu thi hành án thì bà Lê Thị Thúy M phải trả lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/01/2021, bị đơn bà M có đơn kháng cáo và được Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu nhận đơn kháng cáo ngày 29/01/2021, bà M kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bà không đồng ý trả cho bà D số tiền 250.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã tính cả lãi của tiền hụi, bà chỉ đồng ý trả tiền vốn của hụi khoảng 200.000.000 đồng.

Tới thời điểm mở phiên tòa, nguyên đơn bà D không có văn bản về việc rút đơn khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà M không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo và cho rằng: Dây hụi ngày 15/8/2018 âm lịch, bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 16 lần, với số tiền 32.000.000 đồng (Không có lãi của hụi); dây hụi ngày 25/8/2018 âm lịch bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 12 lần, với số tiền 38.400.000 đồng (Không có lãi của hụi); dây hụi ngày 20/02/2019 âm lịch bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 10 lần, với số tiền 50.000.000 đồng (Không có lãi của hụi), trong dây hụi này bà D có chầu thêm 01 chân hụi số tiền 70.700.000 đồng (Bà đã trả cho bà D rồi); dây hụi ngày 10/8/2019 âm lịch bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 07 lần, với số tiền 16.800.000 đồng (Không có lãi của hụi), trong dây hụi này bà D có chầu thêm 01 chân hụi số tiền 35.750.000 đồng; dây hụi ngày 15/10/2019 âm lịch bà D tham gia 06 chân, bà D đóng được 04 lần, với số tiền 13.860.000 đồng (Không có lãi của hụi). Tuy nhiên, khi kết sổ hụi thì bà D có tính luôn lãi của hụi nên tổng số tiền bà phải trả hơn 350.000.000 đồng, bà có trả tiền hụi cho bà D và khấu trừ các dây hụi khác nên bà còn thiếu lại số tiền 216.000.000 đồng. Do đó, tiền lãi của hụi là khoảng 50.000.000 đồng, bà chỉ đồng ý trả cho bà D số tiền 200.000.000 đồng, bà yêu cầu cho bà được trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Quốc H vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn bà M là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và

tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn bà D và bị đơn bà M thừa nhận bà M có làm chủ hụi và bà D có tham gia 05 dây hụi do bà M làm chủ, quá trình tham gia hụi bà D có mua thêm hụi; sau đó bà M tuyên bố bể hụi và hai bên thống nhất kết nợ, bà M còn nợ bà D số tiền 216.000.000 đồng tiền hụi, bà M có ký nhận nợ số tiền này (BL số 02). Ngoài ra, trước đó bà M có nợ bà D số tiền 42.000.000 đồng tiền hụi và ông T, bà L có nợ bà M số tiền 42.000.000 đồng, nên thống nhất để ông T, bà L trả số tiền 42.000.000 đồng cho bà D, nhưng ông T, bà L chỉ trả được số tiền 8.000.000 đồng, nên bà M thừa nhận còn nợ bà D số tiền 34.000.000 đồng; tổng cộng bà M còn nợ bà D số tiền là 250.000.000 đồng (BL số 55 và 66). Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Theo đơn kháng cáo bị đơn bà M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bà không đồng ý trả cho bà D số tiền 250.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã tính cả lãi của tiền hụi, bà chỉ đồng ý trả tiền vốn của hụi khoảng 200.000.000 đồng. Xét thấy, tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020 (BL số 55), Biên bản hòa giải ngày 15/12/2020 (BL số 66) và tại phiên tòa phúc thẩm bà M xác định: Dây hụi ngày 15/8/2018 âm lịch, bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 16 lần, với số tiền 32.000.000 đồng; dây hụi ngày 25/8/2018 âm lịch bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 12 lần, với số tiền 38.400.000 đồng; dây hụi ngày 20/02/2019 âm lịch bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 10 lần, với số tiền 50.000.000 đồng; dây hụi ngày 10/8/2019 âm lịch bà D tham gia 02 chân, bà D đóng được 07 lần, với số tiền 16.800.000 đồng; dây hụi ngày 15/10/2019 âm lịch bà D tham gia 06 chân, bà D đóng được 04 lần, với số tiền 13.860.000 đồng; tất cả 05 dây hụi trên đều không có lãi của hụi, chỉ là số tiền bà D thực đóng, nhưng khi kết sổ hụi thì bà D có tính luôn lãi của hụi nên tổng số tiền bà phải trả hơn 350.000.000 đồng, bà có trả tiền hụi cho bà D và khấu trừ các dây hụi khác nên bà còn thiếu lại số tiền 216.000.000 đồng; nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà D tính luôn tiền lãi của hụi. Tuy nhiên, đây là hụi có lãi được thỏa thuận giữa chủ hụi và người tham gia hụi, người đưa ra mức lãi cao sẽ được hốt hụi, người chưa được hốt hụi đương nhiên được hưởng mức lãi của người đã hốt hụi. Theo đó, chủ hụi có trách nhiệm thu phần hụi của các thành viên góp hụi để giao cho thành viên được lĩnh hụi theo quy định tại Điều 17, 18, 24, 25, 26 và 27 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ. Lẽ ra, khi kết sổ hụi thì bà D được quyền tính luôn phần lãi của tất cả các dây hụi mà bà D đã đóng, phần lãi là do các hụi viên đã hốt hụi trả và bà M có trách nhiệm đi thu hụi giao cho bà D, nhưng bà M không làm tròn trách nhiệm của chủ hụi trong việc thu và giao hụi, nên bà M có trách nhiệm trả cho bà D tiền hụi đã đóng kể lãi phần lãi. Bà M có quyền khởi kiện những thành viên đã hốt hụi nhưng chưa đóng hụi cho bà. Mặt khác, khi khởi kiện bà D không yêu cầu phần lãi của 05 dây hụi như đã nêu trên là có lợi cho bà M, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền 250.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp.

[5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu tại mục [4], nhận thấy kháng

cáo của bị đơn bà M về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng bà không đồng ý trả cho bà D số tiền 250.000.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên, vì Tòa án cấp sơ thẩm đã tính cả lãi của tiền hụi, bà chỉ đồng ý trả tiền vốn của hụi khoảng 200.000.000 đồng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M yêu cầu cho bà được trả dần, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Xét thấy, trong đơn kháng cáo bà M không có yêu cầu này, nên yêu cầu được trả dần của bà M sẽ được thỏa thuận ở giai đoạn thi hành án.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[8] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà M và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Thúy M.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2021/DS - ST ngày 19/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trang Thị Ngọc D đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy M. Buộc bà Lê Thị Thúy M có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trang Thị Ngọc D số tiền nợ hụi 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà bà Lê Thị Thúy M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0006544

ngày 29/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Lê Thị Thúy M đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm *(Tại mục 3 trong phần tuyên xử)* không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THA tỉnh S3óc Trăng;
- TAND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Toàn